

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

Tên gói thầu: Mua sắm trang phục Bảo hộ lao động phục vụ công tác chuyên môn.

Tên dự toán mua sắm: Mua sắm trang phục Bảo hộ lao động phục vụ công tác chuyên môn năm 2026

Địa điểm thực hiện dự án: Trung tâm y tế Ea Kar

Thời gian thực hiện: 60 ngày

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

- Quần áo cung cấp phải đảm bảo mới 100%, được đo và may cho từng người.

- Nhà thầu khi dự thầu phải ghi rõ loại vải, nhãn hiệu, thành phần vải được sử dụng để may trang phục.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

STT	Tên hàng hóa	Đặc điểm, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
I	Mua sắm trang phục Bảo hộ lao động phục vụ công tác chuyên môn năm 2026		Gói	1
01	Trang phục Bác sĩ + nữ	- Xuất xứ: Việt Nam - Đặc điểm kỹ thuật theo yêu cầu Trung tâm Y tế Ea Kar - Thông số kỹ thuật: I. Yêu cầu chung: + May đúng theo thông tư 45/2015/TT-BYT. Có logo TTYT huyện Ea Kar ở phía trên khuy cài bên công tác trên ngực trái. II. Đặc tính, thông số kỹ thuật Chi tiết: 1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương + Thành phần: + Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 5 + Mật độ vải (Sợi/10 CM): $644 \times 328 \pm 5$	Bộ	70

STT	Tên hàng hóa	Đặc điểm, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		<p>+ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 + Độ bền xé rách (N) (DxN) 52.4x135.7 ± 0.2 + Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) (4-5)x(4-5) + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.0)x(0.0)± 0.2 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester.</p> <p>c) Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuya cài biên tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông, có in logo trên ngực trái, giặt không phai logo.</p> <p>2. Quần</p> <p>* Quần nữ:</p> <p>a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương. + Thành phần: + Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 5 + Mật độ vải (sợi/10 CM): 644x328 ± 5 + Độ bền màu giặt ở 40°C(CẤP) 4-5 + Độ bền xé rách (N) (DxN) 52.4x135.7 ± 0.2 + Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) (4-5)x(4-5) + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.0)x(0.0)± 0.2 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester.</p> <p>c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, hai túi chéo, có 1 túi sau.</p> <p>* Quần nam:</p> <p>a) Màu sắc: Màu trắng. b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương Thành phần: + Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 5 + Mật độ vải (Sợi/10 CM): 644 x 328 ± 5 + Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 + Độ bền xé rách (N) (DxN) 52.4 x 135.7 ± 0. 2 + Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) (4-5)x(4-5) + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.0)x(0.0)± 0.2</p>		

STT	Tên hàng hóa	Đặc điểm, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		<p>+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester.</p> <p>c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, hai túi chéo, có 1 túi sau, quần cạp</p> <p>3. Mũ:</p> <p>a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo;</p> <p>b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo.</p>		
02	Trang phục Dệt sợi + mũ	<p>- Xuất xứ: Việt Nam</p> <p>- Đặc điểm kỹ thuật theo yêu cầu Trung tâm Y tế Ea Kar</p> <p>- Thông số kỹ thuật</p> <p>I. Yêu cầu chung:</p> <p>- May đúng theo thông tư 45/2015/TT-BYT. Có logo TTYT huyện Ea Kar ở phía trên khuy cài biên công tác trên ngực trái.</p> <p>II. Đặc tính, thông số kỹ thuật Chi tiết:</p> <p>1. Áo:</p> <p>a) Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương</p> <p>+ Thành phần:</p> <p>+ Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 5</p> <p>+ Mật độ vải (Sợi/10 CM): $644 \times 328 \pm 5$</p> <p>+ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5</p> <p>+ Độ bền xé rách (N) (DxN) $52.4 \times 135.7 \pm 0.2$</p> <p>+ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) $(4-5) \times (4-5)$</p> <p>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$</p> <p>+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% POLYESTER</p> <p>c) Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuya cài biên tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông, có in logo trên ngực trái, giặt không phai logo.</p> <p>2. Quần:</p> <p>* Quần nữ:</p> <p>a) Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương</p> <p>+ Thành phần:</p> <p>+ Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 5</p>	Bộ	32

STT	Tên hàng hóa	Đặc điểm, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		<p>+ Mật độ vải (Sợi/10 CM): 644 x 328 ± 5 + Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 + Độ bền xé rách (N) (DxN) 52.4 x 135.7 ±0.2 + Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) (4-5)x(4-5) + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.0)x(0.0)± 0.2 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, hai túi chéo. * Quần nam: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương Thành phần: + Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 5 + Mật độ vải (Sợi/10 CM): 644 x 328 ±5 + Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 + Độ bền xé rách (N) (DxN) 52.4 x 135.7 ±0.2 + Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) (4-5)x(4-5) + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.0)x(0.0)± 0.2 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, hai túi chéo, có 1 túi sau</p> <p>3. Mũ: a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo; b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo.</p>		
03	Trang phục kỹ thuật viên, cử nhân + mũ	<p>- Xuất xứ: Việt Nam - Đặc điểm kỹ thuật theo yêu cầu Trung tâm Y tế Ea Kar - Thông số kỹ thuật I. Yêu cầu chung: + May đúng theo thông tư 45/2015/TT-BYT. Có logo TTYT huyện Ea Kar ở phía trên khuy cài biên công tác trên ngực trái. II. Đặc tính, thông số kỹ thuật Chi tiết: 1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương + Thành phần:</p>	Bộ	36

STT	Tên hàng hóa	Đặc điểm, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		<p>+ Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 5 + Mật độ vải (Sợi/10 CM): $644 \times 328 \pm 5$ + Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 + Độ bền xé rách (N) (DxN) $52.4 \times 135.7 \pm 0.2$ + Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) $(4-5) \times (4-5)$ + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$ + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester</p> <p>c) Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuya cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ ngay tới hông, có đai ngang lưng, có in logo trên ngực trái, giặt không phai logo.</p> <p>2. Quần: * Quần nữ: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương + Thành phần: + Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 5 + Mật độ vải (Sợi/10 CM): $644 \times 328 \pm 5$ + Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 + Độ bền xé rách (N) (DxN) $52.4 \times 135.7 \pm 0.2$ + Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) $(4-5) \times (4-5)$ + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$ + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester.</p> <p>c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, hai túi chéo. * Quần nam: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương. + Thành phần: + Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 5 + Mật độ vải (Sợi/10 CM): $644 \times 328 \pm 5$ + Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 + Độ bền xé rách (N) (DxN) $52.4 \times 135.7 \pm 0.2$ + Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) $(4-5) \times (4-5)$ + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$</p>		

STT	Tên hàng hóa	Đặc điểm, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, hai túi chéo, có 1 túi sau 3. Mũ: a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo; b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo.		
04	Trang phục điều dưỡng, Hộ sinh, Y sĩ + mũ	- Xuất xứ: Việt Nam - Đặc điểm kinh tế kỹ thuật theo yêu cầu Trung tâm Y tế Ea Kar - Thông số kỹ thuật I. Yêu cầu chung: + May đúng theo thông tư 45/2015/TT-BYT. Có logo TTYT huyện Ea Kar ở phía trên khuy cài bên công tác trên ngực trái. II. Đặc tính, thông số kỹ thuật Chi tiết: 1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương + Thành phần: + Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 5 + Mật độ vải (Sợi/10 CM): $644 \times 328 \pm 5$ + Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 + Độ bền xé rách (N) (DxN) $52.4 \times 135.7 \pm 0.2$ + Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) $(4-5) \times (4-5)$ + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$ + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester c) Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía sau xẻ giữa tới ngang hông, có đai ngang lưng, phía trước có 2 túi, có khuya cài bên tên trên ngực trái; túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0.5cm; có in tên trung tâm logo trên ngực trái, giặt không phai logo. 2. Quần: * Quần nữ: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương	Bộ	128

STT	Tên hàng hóa	Đặc điểm, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		<p>+ Thành phần: + Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 5 + Mật độ vải (Sợi/10 CM): $644 \times 328 \pm 5$ + Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 + Độ bền xé rách (N) (DxN) $52.4 \times 135.7 \pm 0.2$ + Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) $(4-5) \times (4-5)$ + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$ + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, hai túi chéo, quần chun. Hoặc áo liền váy quy định tại khoản 1, 2 điều 5 Thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ y tế quy định về trang phục y tế</p> <p>*Quần Nam: a) Màu sắc: Màu trắng b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương + Thành phần: + Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 5 + Mật độ vải (Sợi/10 CM): $644 \times 328 \pm 5$ + Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 + Độ bền xé rách (N) (DxN) $52.4 \times 135.7 \pm 0.2$ + Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) $(4-5) \times (4-5)$ + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$ + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester. c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, hai túi chéo, có 1 túi sau</p> <p>3. Mũ: a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo; b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo.</p>		
05	Trang phục nhân viên hành chính	<p>- Xuất xứ: Việt Nam - Đặc điểm kỹ thuật theo yêu cầu Trung tâm Y tế Ea Kar - Thông số kỹ thuật</p> <p>I. Yêu cầu chung: + May đúng theo thông tư 45/2015/TT-BYT.</p> <p>II. Đặc tính, thông số kỹ thuật Chi tiết: 1. Áo:</p>	Bộ	70

STT	Tên hàng hóa	Đặc điểm, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		<p>a) Màu sắc: Màu Trắng; b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều , kate Mỹ hoặc tương đương + Thành phần: + Khối lượng vải (G/M2): 109.8 ± 5 + Mật độ vải (Sợi/10 CM): $370 \times 304 \pm 5$ + Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 + Độ bền xé rách (N) (DxN) $36.2 \times 38.9 \pm 0.2$ + Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) 4x4 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.1) \times (-0.1) \pm 0.2$ + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester 81.7 ± 0.5 Rayon 18.3 ± 0.5.</p> <p>c) Kiểu dáng: Áo sơ mi cộc tay hoặc dài tay cơ bản, cổ Đức, cúc cài giữa, thân áo có chiết ly tạo eo. Có in tên logo trung tâm trên ngực trái, có túi trên ngực trái</p> <p>2. Quần tây:</p> <p>a) Màu sắc: Màu xanh đen b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương + Thành phần: + Khối lượng vải (G/M2): 259.2 ± 5 + Mật độ vải (Sợi/10 CM): $720 \times 312 \pm 5$ + Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 3-5 + Độ bền xé rách (N) (DxN) $67.8 \times 89.2 \pm 0.2$ + Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) $(4-5) \times (4-5)$ + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$ + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester</p> <p>c) Kiểu dáng: Quần âu cơ bản, quần kéo khóa trước, thân trước 2 túi chéo, 01 túi hậu thân sau</p> <p>3. Zúyp nữ:</p> <p>a) Màu sắc: Màu xanh đen b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương + Thành phần: + Khối lượng vải (G/M2): 259.2 ± 5 + Mật độ vải (Sợi/10 CM): $720 \times 312 \pm 5$ + Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 3-5</p>		

STT	Tên hàng hóa	Đặc điểm, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		+ Độ bền xé rách (N) (DxN) 67.8x89.2 ±0.2 + Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) (4-5)x(4-5) Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.0)x(0.0)± 0.2 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester c) Kiểu dáng: váy văn phòng cơ bản, có cap, khóa sau lưng, kéo hết cap.		
06	Trang phục lái xe	- Xuất xứ: Việt Nam - Đặc điểm kỹ thuật theo yêu cầu Trung tâm Y tế Ea Kar - Thông số kỹ thuật I. Yêu cầu chung: + May đúng theo thông tư 45/2015/TT-BYT. Có logo TTYT huyện Ea Kar ở phía trên khuy cài bên công tác trên ngực trái. II. Đặc tính, thông số kỹ thuật Chi tiết: 1. Áo: a) Màu sắc: Màu xanh đen b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương + Thành phần: + Khối lượng vải (G/M2): 259.2 ± 5 + Mật độ vải (Sợi/10 CM): 720 x 312 ± 5 + Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 3-5 + Độ bền xé rách (N) (DxN) 67.8 x 89.2 ±0. 2 + Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) (4-5)x(4-5) + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.0)x(0.0)± 0.2 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester. c) Kiểu dáng: Áo kiểu bu đông, cổ Đức, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay măng xéc hoặc lơ vê, có nẹp cầu vai, phía trước có 02 túi có nắp, có khuya cài bên tên ngực trái 2. Quần tây: a) Màu sắc: Màu Xanh Đen b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương + Thành phần: + Khối lượng vải (G/M2): 259.2± 5 Mật độ vải (Sợi/10 CM): 720 x 312 ± 5	Bộ	6

STT	Tên hàng hóa	Đặc điểm, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		<p>+ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 3-5 + Độ bền xé rách (N) (DxN) 67.8 x 89.2 ±0. 2 + Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) (4-5)x(4-5) + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.0)x(0.0)± 0.2 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester c) Kiểu dáng: Quần âu 02 ly, có 01 túi sau</p> <p>3. Áo khoác: a) Màu sắc: Màu Xanh Đen b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương + Thành phần: + Khối lượng vải (G/M2): 259.2± 5 + Mật độ vải (Sợi/10 CM): 720 x 312 ± 5 + Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 3-5 + Độ bền xé rách (N) (DxN) 67.8x 89.2 ±0. 2 + Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) (4-5)x(4-5) + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.0)x(0.0)± 0.2 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% POLYESTER c) Kiểu dáng: Áo khoác cổ chữ K, cài cúc giữa, phía trước có 02 túi chéo có nắp túi, 04 cúc, có nẹp cầu vai, có khuya cài biên tên trên ngực trái</p>		
07	Trang phục hộ lý+mũ	<p>- Xuất xứ: Việt Nam - Đặc điểm kỹ thuật theo yêu cầu Trung tâm Y tế Ea Kar - Thông số kỹ thuật</p> <p>I. Yêu cầu chung: + May đúng theo thông tư 45/2015/TT-BYT. Có logo TTYT huyện Ea Kar ở phía trên khuy cài biên công tác trên ngực trái.</p> <p>II. Đặc tính, thông số kỹ thuật Chi tiết:</p> <p>1.Áo, Quần a) Màu sắc : Xanh hòa bình b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều , kate ford hoặc tương đương + Thành phần: + Khối lượng vải (G/M2): 161.3 ± 0.5 + Mật độ vải (Sợi/10 CM): 288 x 270 ± 5 + Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5</p>	Bộ	14

STT	Tên hàng hóa	Đặc điểm, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		<p>+ Độ bền xé rách (N) (DxN) 28.5 x 25.4 ± 0.2 + Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) (4-5)x(4-5) + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-2.9)x(-2.1)± 0.2 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester 65.0± 0.5 Coton 35.0± 0.5 c) Kiểu dáng: Áo: áo cổ trái tim, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 02 túi, có khuya cài biên tên trên ngực trái, giặt không phai logo. Quần: quần âu 2 ly, 02 túi chéo (quần nam có 01 túi sau). 2. Mũ: theo màu sắc của áo</p>		
08	Trang phục Bảo vệ+mũ	<p>- Xuất xứ: Việt Nam - Đặc điểm kỹ thuật theo yêu cầu Trung tâm Y tế Ea Kar - Thông số kỹ thuật I. Yêu cầu chung: + May đúng theo thông tư 45/2015/TT-BYT. Có logo TTYT huyện Ea Kar ở phía trên khuy cài biên công tác trên ngực trái. II. Đặc tính, thông số kỹ thuật Chi tiết: 1. Áo: a) Màu sắc: Màu xanh Coban sẫm b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều, kate ford hoặc tương đương + Thành phần: + Khối lượng vải (G/M2): 161.3 ± 0.5 + Mật độ vải (Sợi/10 CM): 272 x 292± 5 + Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 + Độ bền xé rách (N) (DxN) 30.9 x 31.5 ±0. 2 + Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) 4x4 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.4)x(-1.5)± 0.2 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester 66.1± 0.5 Coton 33.9± 0.5 c) Kiểu dáng: Áo cổ Đức, cài cúc giữa, có nẹp cầu vai, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay măng xéc hoặc lơ vê, 02 túi có nắp,có khuya cài biên tên trên ngực trái</p>	Bộ	8

STT	Tên hàng hóa	Đặc điểm, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		<p>2. Quần :</p> <p>a) Màu sắc: Màu xanh đen;</p> <p>b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều, kaki hoặc tương đương</p> <p>+ Thành phần:</p> <p>+ Khối lượng vải (G/M2): 226.7 ± 5</p> <p>+ Mật độ vải (Sợi/10 CM): $436 \times 214 \pm 5$</p> <p>+ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 1-5</p> <p>+ Độ bền xé rách (N) (DxN) $47.8 \times 29.7 \pm 0.2$</p> <p>+ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) 4x4</p> <p>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.2) \times (0.0) \pm 0.2$</p> <p>+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100%</p> <p>Polyester 84.9 ± 0.5</p> <p>Coton 15.1 ± 0.5</p> <p>c) Kiểu dáng: Quần âu 02 ly, có 01 túi sau</p> <p>3. Mũ:</p> <p>Mũ kiểu kê pi cùng màu với áo.</p>		

1.3. Các yêu cầu khác

- Nhà thầu đính kèm bản scan từ bản gốc các hồ sơ sau:

+ Phiếu kiểm nghiệm các loại vải của Trung tâm thí nghiệm dệt may thuộc phân viện dệt may Việt Nam đáp ứng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật theo yêu cầu tại Mục 1.2, Chương V, E-HSMT.

+ Nhà thầu nộp chứng nhận ISO 9001:2015 Hệ thống quản lý chất lượng, ISO 14001:2015 Hệ thống quản lý môi trường (đối với nhà thầu sản xuất).

+ Đối với sản phẩm là quần áo đính kèm tài liệu chứng minh sản phẩm phù hợp QCVN 01:2017/BTC Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mức giới hạn hàm lượng formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may.

Mục 2. Bản vẽ: Không

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: _____ [ghi danh sách các kiểm tra và thử nghiệm]